

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

---



**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH KINH TẾ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**

**Hà Nội, năm 2019**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>1</b>
1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo.....	1
1.2. Mục tiêu đào tạo .....	1
1.2.1 Mục tiêu chung .....	1
1.2.2 Mục tiêu cụ thể .....	1
1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh: .....	2
1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ. ....	2
1.5. Điều kiện tốt nghiệp.....	2
<b>PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>3</b>
2.1. Kiến thức.....	3
2.2. Kỹ năng.....	3
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm.....	4
<b>PHẦN 3. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA .....</b>	<b>5</b>
<b>PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>6</b>
4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo .....	6
4.2. Khung chương trình đào tạo .....	6
4.3 Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra..	46
4.4 Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ) .....	55
4.5 Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần.....	65
4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình.....	82
4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu .....	82
4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình .....	84

## PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:
  - Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên thiên nhiên**
  - Tiếng Anh: **Natural resources Economics**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Kinh tế tài nguyên thiên nhiên**
- Mã số: **52850102**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
  - Tiếng Việt: **Cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên**
  - Tiếng Anh: **Bachelor of Natural resources Economics**

### 1.2. Mục tiêu đào tạo

#### 1.2.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đào tạo cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên có kiến thức lý thuyết và thực tiễn; kỹ năng nhận thức, thực hành nghề nghiệp; có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng về kinh tế tài nguyên và kinh tế môi trường để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên, môi trường nhằm khai thác, sử dụng và quản lý bền vững tài nguyên và môi trường.

#### 1.2.2 Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân đạt được các mục tiêu sau:

##### a) Kiến thức:

MT1: Có những kiến thức lý thuyết cơ bản về kinh tế học, quản lý và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế tài nguyên và môi trường như các mô hình sử dụng tối ưu các dạng tài nguyên; các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên và môi trường; các chính sách, pháp luật bảo vệ tài nguyên và môi trường; lượng giá giá trị tài nguyên và môi trường, quản lý, khai thác sử dụng hiệu quả bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

##### b) Về kỹ năng:

MT2: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn về kinh tế tài nguyên

và môi trường để thực hiện các công việc chuyên môn như quản lý tài nguyên, thẩm định, quản lý dự án đầu tư, dự án kinh doanh trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên và môi trường. Có kỹ năng viết, trình bày, lập kế hoạch báo cáo, kết quả báo cáo nghiên cứu khoa học; Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành như GIS, SPSS, có khả năng sử dụng máy chiếu, máy tính, đọc bản đồ GIS; Có trình độ ngoại ngữ, có khả năng giao tiếp với người nước ngoài về các vấn đề liên quan đến tài nguyên môi trường;

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT3: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên thiên nhiên, môi trường; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

d) Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe:

MT4: Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khỏe phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.

e) Đủ khả năng học tập lên trình độ cao hơn

MT5: Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

**1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:**

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.
- Tiêu chí tuyển sinh: theo quy định của bộ giáo dục đào tạo.

**1.4. Hình thức đào tạo:**Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

**1.5.Điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Điều 28 của Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 3625/QĐ-TĐHHN ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

## **PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **2.1. Kiến thức**

KT1: Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh - Quốc phòng; Hiểu được các kiến thức về khoa học tự nhiên làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên sâu.

KT2: Hiểu và vận dụng, phân tích được những kiến thức cơ sở ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, khoa học công nghệ, luật pháp trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên và môi trường.

KT3: Hiểu, vận dụng và phân tích, đánh giá được trong thực tế các vấn đề liên quan đến khai thác tối ưu tài nguyên, quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý và xây dựng kế hoạch, đề án về tài nguyên, môi trường; lượng giá giá trị tài nguyên, lập báo cáo, tư vấn, tham mưu cho các nhà quản lý để đưa ra quyết định và xây dựng chính sách sử dụng và quản lý tài nguyên và môi trường.

KT4: Vận dụng được những phương pháp nghiên cứu kinh tế trong nghiên cứu kinh tế tài nguyên thiên nhiên.

KT5: Kiến thức Tiếng Anh và Tin học:

+ Đạt trình độ tiếng Anh bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc đạt chứng chỉ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu và tương đương.

+ Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tương đương do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch.

+ Sử dụng được Internet và một số phần mềm chuyên ngành để phục vụ tốt yêu cầu công việc.

### **2.2. Kỹ năng**

KN1: Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: tìm hiểu vấn đề và giải quyết các vấn đề bằng các giải pháp phù hợp đúng chuyên môn.

KN2: Phân tích các vấn đề lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên

thiên nhiên; Có khả năng nghiên cứu độc lập, cập nhật kiến thức trong lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên.

KN3: Có khả năng xây dựng, phân tích và đánh giá hiệu quả các dự án về xử lý, cải tạo môi trường và khai thác tài nguyên;

KN4: Có khả năng phân tích, tổng hợp thông tin kinh tế và môi trường; phân tích ảnh hưởng chính sách kinh tế tài nguyên và môi trường;

KN5: Có kỹ năng sắp xếp, lập kế hoạch và quản lý công việc: có khả năng xác định nội dung và cách thức thực hiện công việc, bố trí sắp xếp công việc khoa học hiệu quả.

KN6: Biết sử dụng thành thạo tin học văn phòng, phần mềm ứng dụng trong lượng giá giá trị kinh tế tài nguyên và môi trường; Biết giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh, và có khả năng dịch, hiểu được các tài liệu tiếng anh chuyên ngành liên quan đến kinh tế môi trường.

### **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

NL1: Có ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc, chấp hành sự phân công của lãnh đạo.

NL2: Có bản lĩnh nghề nghiệp, có thể vận dụng linh hoạt các kiến thức và kỹ năng trong xử lý các tình huống nghề nghiệp.

**PHẦN 3. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ  
GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA**

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO				
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5
<b>Kiến thức</b>	<b>KT1</b>	x	x		x	
	<b>KT2</b>	x	x	x		
	<b>KT3</b>			x		x
	<b>KT4</b>	x	x	x	x	x
	<b>KT5</b>	x	x			
<b>Kỹ năng</b>	<b>KN1</b>	x	x			
	<b>KN2</b>	x	x	x		
	<b>KN3</b>	x	x	x		x
	<b>KN4</b>	x	x	x	x	x
	<b>KN5</b>		x	x	x	
	<b>KN6</b>		x	x		x
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	<b>NL1</b>			x	x	x
	<b>NL2</b>			x	x	x

## PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

<b>Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy</b>	<b>132</b>
<b>Trong đó:</b>	
<b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)</b>	<b>27</b>
<b>Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>105</b>
<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>25</b>
+ Bắt buộc:	19
+ Tự chọn:	6
<b>Kiến thức ngành</b>	<b>68</b>
+ Bắt buộc:	62
+ Tự chọn:	6
<b>Kiến thức thực tập và Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>12</b>

### 4.2. Khung chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết

- TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>27</b>				
<i>I.1</i>	<i>Lý luận chính trị</i>			<i>10</i>				



<b>TT</b>	<b>Tên học phần (Tiếng Việt)</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Tổng số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TL, TH, TT</b>	<b>Tự học</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	LTML2101	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về triết học; Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.	2	22	8	60	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	LTML 2102	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học; Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.	3	32	13	90	

<b>TT</b>	<b>Tên học phần (Tiếng Việt)</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Tổng số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TL, TH, TT</b>	<b>Tự học</b>	<b>Ghi chú</b>
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LTTT2101	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại; Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác; Hun đúc lòng yêu nước, nâng cao lòng tự hào về Chủ tịch Hồ Chí Minh, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng	2	21	9	60	

<b>TT</b>	<b>Tên học phần (Tiếng Việt)</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Tổng số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TL, TH, TT</b>	<b>Tự học</b>	<b>Ghi chú</b>
			cộng sản Việt Nam.					
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	LTĐL2101	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên phân tích và chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam và đánh giá được kết quả thực hiện đường lối đó; Vận dụng trong giải quyết một số vấn đề lý luận chính trị - xã hội; xác định được trách nhiệm của bản thân để thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp	3	32	13	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			luật của Nhà nước.					
<b>I.2</b>	<b>Khoa học xã hội</b>			<b>4</b>				
5	Kỹ năng mềm	KTQU2151	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và vận dụng được một số kỹ năng mềm cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.	2	20	10	60	
6	Pháp luật đại cương	LTPL2101	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Vận dụng	2	20	10	60	

<b>TT</b>	<b>Tên học phần (Tiếng Việt)</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Tổng số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TL, TH, TT</b>	<b>Tự học</b>	<b>Ghi chú</b>
			những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế					
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>			<b>8</b>				
7	Tiếng Anh 1	NNTA2101	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể phát âm thành thạo vốn từ đã học. Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức. Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình	3	8	37	90	

<b>TT</b>	<b>Tên học phần (Tiếng Việt)</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Tổng số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TL, TH, TT</b>	<b>Tự học</b>	<b>Ghi chú</b>
			huống và chủ đề quen thuộc. Có các kỹ năng đọc, nghe, nói, viết.					
8	Tiếng Anh 2	NNTA2102	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiên trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch... và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiên trung cấp.	3	5	40	90	
9	Tiếng Anh 3	NNTA2103	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có kiến thức nâng cao (trình độ trung cấp) trong việc sử dụng từ, ngữ pháp phổ biến, phân biệt văn phong học	2	5	25	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu...; Phương pháp thuyết trình khoa học và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp					
<b>I.4</b>	<b>Khoa học tự nhiên – Tin học</b>			<b>5</b>				
10.	Toán cao cấp	KDTO2108	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành	3	25	20	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			kế toán, bất động sản, quản trị du lịch, kinh tế tài nguyên ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn					
11.	Tin học đại cương	CTKH2151	Hiểu được nội dung về Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet; Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành; Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.	2	20	10	60	
<b>I.5</b>	<b><i>Giáo dục thể chất</i></b>			<b>5</b>				
<b>I.6</b>	<b><i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i></b>			<b>165</b> <b><i>tiết</i></b>				
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>105</b>				



TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>25</b>				
<b>II.1.1</b>	<b>Bắt buộc</b>							
12.	Tài chính - Tiền tệ	KTKN2301	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường; Hiểu được những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, Ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là Ngân hàng	3	37	8	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			thương mại, Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...					
13.	Kinh tế vi mô	KTKH2301	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản của kinh tế vi mô như cung-cầu, thị trường, hành vi của người bán và người mua, đặc điểm thị trường, thất bại của thị trường và vai trò của chính phủ.	3	32	13	90	
14.	Kinh tế vĩ mô	KTKH2302	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân,	3	31, 5	13,5	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.					
15.	Nguyên lý thống kê kinh tế	PES202	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê như thu thập thông tin, tổng hợp và xử lý các số liệu thống kê, phân tích, đánh giá và dự báo trên cơ sở những thông tin đã được xử lý.	3	33	12	90	
16.	Cơ sở khoa học môi trường	MTQM2301	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được Những kiến thức chung liên quan đến môi trường và khoa học	2	20	10	60	

<b>TT</b>	<b>Tên học phần (Tiếng Việt)</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Tổng số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TL, TH, TT</b>	<b>Tự học</b>	<b>Ghi chú</b>
			môi trường, các thành phần cơ bản của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường; Các vấn đề về dân số, lương thực thực phẩm, năng lượng và phát triển bền vững.					
17.	Nguyên lý kế toán	KTKE2501	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết được các phương pháp và lý thuyết thực hành kế toán	3	30	15	90	
18.	Quản trị học	KTQU2101	Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị.	2	19	11	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
II.1.2	Tự chọn	6/12						
19.	Tâm lý quản lý	POM101	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những vấn đề chung của tâm lý học quản lý; đặc điểm tâm lý của đối tượng quản lý; tâm lý trong công tác lãnh đạo và tâm lý trong việc quản lý và sử dụng con người; và những hiện tượng tâm lý trong tập thể lao động	2	20	10	60	
20.	Lịch sử các học thuyết kinh tế (*)	KTKH2510	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết những quan điểm tư tưởng và học thuyết kinh tế cơ bản của các nhà kinh tế tiêu biểu thuộc các trường phái qua các thời đại lịch sử như lý thuyết kinh tế của	2	27	3	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			William Petty, những đóng góp về kinh tế của K.Marx, F.Engls... Lý thuyết về lợi thế so sánh, lợi thế tuyệt đối, học thuyết kinh tế của AdamSmith, lý thuyết “năng suất giới hạn” của Mỹ...					
21.	Kinh tế đầu tư (* )	INE202	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và vận dụng được hệ thống các chỉ tiêu để phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển, đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội của dự án.	2	22	8	60	
22.	Quản lý nhà nước về kinh tế	SME203	Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản quản lý Nhà nước về kinh tế, bao gồm:	2	25	5	60	

<b>TT</b>	<b>Tên học phần (Tiếng Việt)</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Tổng số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TL, TH, TT</b>	<b>Tự học</b>	<b>Ghi chú</b>
			Nhà nước và quản lý Nhà nước, đặc điểm, đối tượng của quản lý Nhà nước về kinh tế, mục tiêu, nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế, các chức năng cơ bản của quản lý Nhà nước về kinh tế, văn bản và quyết định trong quản lý Nhà nước về kinh tế, cơ cấu và công chức trong bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế					
23.	Tài chính công	PLF203	Hiểu được những vấn đề cơ bản về tài chính công như hoạt động và cách thức tổ chức, các bộ phận cấu thành của khu vực tài chính công, ngân	2	26	4	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			sách nhà nước, nguyên tắc Ngân sách nhà nước, các vấn đề về hệ thống và chu trình ngân sách nhà nước					
24.	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám (*)	TBAB2451	Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về viễn thám, bộ cảm biến và các vệ tinh viễn thám; Biết những nguyên lý cơ bản về các kiểu cấu trúc dữ liệu thường gặp trong các hệ thống thông tin địa lý hiện hành. Biết nhập và xây dựng cơ sở dữ liệu là một công đoạn quan trọng trong ứng dụng GIS.	2	12	18	60	
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>			<b>52</b>				
II.2.1	Bắt buộc							



<b>TT</b>	<b>Tên học phần (Tiếng Việt)</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Tổng số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TL, TH, TT</b>	<b>Tự học</b>	<b>Ghi chú</b>
25.	Cơ sở lý thuyết trong kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2530	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và phân tích được những kiến thức về lý thuyết thặng dư, lý thuyết về ngoại ứng, lựa chọn trong điều kiện rủi ro; thị trường yếu tố sản xuất; can thiệp của chính phủ thông qua các công cụ kinh tế nhằm khắc phục những thất bại của thị trường trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên và môi trường.	3	31	14	90	
26.	Kinh tế công cộng	PLE202	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được cơ sở kinh tế và các hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế; Phân tích và đánh giá được các chức năng, hệ	3	34	11	90	

<b>TT</b>	<b>Tên học phần (Tiếng Việt)</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Tổng số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TL, TH, TT</b>	<b>Tự học</b>	<b>Ghi chú</b>
			quả các hoạt động và các chính sách của chính phủ áp dụng trong vào nền kinh tế thị trường.					
27.	Phân tích chi phí - lợi ích	CBA203	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các công cụ phân tích kinh tế hữu ích nhằm cung cấp thông tin cho người ra quyết định xem xét, đánh giá và quyết định lựa chọn những phương án tốt nhất xét về khía cạnh đóng góp phúc lợi cho xã hội.	3	35	10	90	
28.	Kinh tế học biến đổi khí hậu	ECC202	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và phân tích được cách tiếp cận kinh tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu; từ đó đưa ra các giải pháp, các chính sách để	2	22	8	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			kiểm soát các tác động từ biến đổi khí hậu đến hoạt động của con người, hướng đến phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu.					
29.	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	ERM204	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu kinh tế như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế.	2	24, 5	5,5	79	
30.	Kế toán tài	KTKE2524	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên	2	21	9	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
	chính		hiểu được kế toán tài chính doanh nghiệp bao gồm lập chứng từ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; nội dung; phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; sổ sách kế toán tổng hợp và việc lập hệ thống báo cáo tài chính.					
31.	Thương mại và tài nguyên môi trường	CRE203	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và phân tích được một số khái niệm cơ bản liên quan đến thương mại và tài nguyên môi trường như: khái niệm thương mại; khái niệm môi trường, tài nguyên. Trình bày, phân tích được mối quan hệ giữa thương mại với tài nguyên, môi	2	23	7	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			trường. Nhận biết, hiểu và trình bày được các hiệp định liên quan đến vấn đề môi trường trong WTO và các thảo luận quốc tế về môi trường. Đánh giá xu hướng phát triển mới của thương mại quốc tế có đề cập đến môi trường và sự phát triển bền vững cho thương mại và môi trường trong nước và trên thế giới.					
32.	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	KTTM2538	Hiểu và vận dụng được các nội dung cơ bản về quản lý dự án tài nguyên và môi trường; các nội dung cơ bản trong quản lý dự án tài nguyên và môi trường như lập kế hoạch quản lý, điều phối thực hiện	3	34	11	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			dự án, kiểm tra, giám sát thực hiện dự án					
33.	Hạch toán quản lý môi trường	EMA204	Hiểu và vận dụng được để ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí môi trường và dự toán chi phí môi trường cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí. Bên cạnh đó, sinh viên nắm bắt được mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích môi trường để từ đó hiểu được tầm quan trọng của các yếu tố tác động đến lợi nhuận doanh nghiệp	3	30	15	90	
34.	Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi	KTTM2419	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những	5	39	36	150	

<b>TT</b>	<b>Tên học phần (Tiếng Việt)</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Tổng số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TL, TH, TT</b>	<b>Tự học</b>	<b>Ghi chú</b>
	trường		kiến thức cơ bản về một số vấn đề lý luận của định giá kinh tế tài nguyên và môi trường như: phương pháp luận, các nhóm phương pháp định giá, cách tính toán và sử dụng đối với từng phương pháp định giá giá trị tài nguyên và môi trường; Vận dụng được định giá kinh tế tài nguyên và môi trường trong việc ra quyết định về các dự án kinh tế tài nguyên và môi trường					
35.	Kinh tế môi trường	EVE202	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp	3	30	15	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			<p> nghiên cứu môn học Kinh tế môi trường; trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường, phát triển và phát triển bền vững; phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; Biết được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như khái niệm ô nhiễm, khái niệm ngoại ứng,...; xác định được mức ô nhiễm tối ưu và phân tích được các công cụ kiểm soát ô nhiễm; phân tích các công cụ và chính sách quản lý môi trường. Đánh giá được những tác </p>					



TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			động (tích cực và tiêu cực) của các hoạt động phát triển (kinh tế và xã hội) đến môi trường					
36.	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	KTTM2418	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng được các kiến thức để tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả công việc. Phân tích, đánh giá được những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp với các đối tượng bên trong và ngoài doanh nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới; kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng lập	2	20	10	60	

<b>TT</b>	<b>Tên học phần (Tiếng Việt)</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Tổng số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TL, TH, TT</b>	<b>Tự học</b>	<b>Ghi chú</b>
			kế hoạch và ra quyết định, áp dụng kỹ năng tư duy, phân tích, tổng hợp vào công việc					
37.	Kinh tế tài nguyên biển	KTTM2510	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và vận dụng được cơ bản những nội dung về tài nguyên biển, vai trò, biết được mô hình lý thuyết trong khai thác tài nguyên biển; phân tích được các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên biển; hiểu được những vấn đề cơ bản về quy hoạch không gian biển, quản lý tổng hợp vùng ven biển, xây dựng khu bảo tồn biển.	2	23	7	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
38.	Kiến tập	KTTM2505	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng những kiến thức lý thuyết đã học để tìm hiểu tình hình hoạt động trong lĩnh vực khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên và môi trường tại đơn vị thực tập.	4	-	60	56	
39.	Thực hành nghề nghiệp	KTTM2527	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng, phân tích và đánh giá được thực trạng khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên và môi trường tại đơn vị thực tập.	4	-	60	40	
40.	Đề án môn học-Kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2539	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và phân tích được các vấn đề lý thuyết thuộc nội dung các môn học chuyên ngành; Vận	3	-	45	40	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			dụng được kiến thức lý thuyết để phân tích, đánh giá thực tiễn hoạt động khai thác, sử dụng, quản lý tài nguyên và môi trường;					
II.2.2	Tự chọn	6/14						
41.	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên (*)	KTTM2637	Sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản về cộng đồng và phát triển cộng đồng trong quản lý tài nguyên như: Khái niệm cộng đồng, khái niệm phát triển cộng đồng, mục tiêu, nội dung, nguyên lý của phát triển cộng đồng, tiến trình phát triển cộng đồng, sự tham gia, năng lực tự quản, các mâu thuẫn trong cộng đồng; khái niệm và	2	21	9	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			vai trò của quản lý tài nguyên; khái niệm và sự cần thiết của tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên; Các nguồn lực cho phát triển cộng đồng; các công cụ thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên; Sự tham gia của cộng đồng; sự tham gia của cộng đồng trong quản lý một số tài nguyên ở Việt Nam.					
42.	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	KTTM2641	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được các nội dung cơ bản về nhiệm vụ dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế và dự báo chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Biết được	2	17	13	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			các phương pháp dự báo thông dụng.					
43.	Du lịch sinh thái	ECT202	Hiểu được các nội dung cơ bản về tài nguyên du lịch sinh thái.	2	21	9	60	
44.	Kiểm soát ô nhiễm môi trường (*)	EVT202	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về kiểm soát ô nhiễm môi trường như chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm môi trường; Bốn trụ cột trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Các quy định pháp lệnh liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường; Các thủ tục hành chính trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Hướng dẫn các hoạt động kiểm	2	20	10	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			soát ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, nhập khẩu phế liệu, kiểm soát ô nhiễm hóa chất; Hướng dẫn xây dựng kế hoạch kiểm soát ô nhiễm môi trường					
45.	Thống kê tài nguyên và môi trường	SRE203	Sinh viên hiểu, vận dụng được phương pháp tính một số dạng tài nguyên, các phương pháp thống kê tài nguyên.	2	22	8	90	
46.	Đánh giá tác động môi trường	EIA424	Hiểu được những vấn đề cơ bản về đánh giá tác động môi trường; Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường; Các phương pháp dùng trong đánh giá tác động môi trường.	2	20	10	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
47.	Kiểm toán môi trường (*)	KTKN2604	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được khái niệm và nội dung kiểm toán môi trường; khái niệm và quy trình thực hiện kiểm toán đánh giá tác động môi trường; khái niệm và quy trình thực hiện kiểm toán hệ thống quản lý môi trường; Khái niệm, quy trình thực hiện kiểm toán chất thải.	2	19	11	60	
<b>II.3</b>	<b><i>Kiến thức chuyên sâu</i></b>			<b>16</b>				
<b>II.3.1</b>	<b><i>Chuyên sâu về Kinh tế tài nguyên và môi trường</i></b>			<b>16</b>				
48.	Quản lý kinh tế môi trường	KTTM2524	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các kiến thức về cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý môi trường trong các	3	27	18	90	



<b>TT</b>	<b>Tên học phần (Tiếng Việt)</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Tổng số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TL, TH, TT</b>	<b>Tự học</b>	<b>Ghi chú</b>
			lĩnh vực tự nhiên, kinh tế, xã hội đặc biệt là về tự nhiên và kinh tế.					
49.	Quản lý kinh tế tài nguyên	KTTM2525	Hiểu được các phương thức quản lý, thực trạng quản lý các loại tài nguyên thiên nhiên	3	28	17	90	
50.	Kinh tế tài nguyên du lịch	KTTM2512	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về kinh tế tài nguyên du lịch; hiểu và phân tích được các tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên du lịch; hiểu và phân tích được một số triết lý cơ bản trong khai thác tài nguyên du lịch; hiểu và phân tích được một số phương pháp điều tra và đánh giá tài	2	21	9	60	

<b>TT</b>	<b>Tên học phần (Tiếng Việt)</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Tổng số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TL, TH, TT</b>	<b>Tự học</b>	<b>Ghi chú</b>
			nguyên du lịch và các biện pháp bảo vệ và phát triển tài nguyên du lịch.					
51.	Kinh tế tài nguyên đất	KTTM2511	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và phân tích được các nội dung cơ bản về kinh tế tài nguyên đất	2	17,5	12,5	60	
52.	Kinh tế tài nguyên nước	KTTM 2515	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được đặc điểm của tài nguyên nước; vận dụng, phân tích được các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả dự án, thị trường nước.	2	20	10	60	
53.	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản	KTTM2514	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các nội dung cơ bản về đặc điểm tài nguyên khoáng sản, mô hình khai thác khác	2	16,5	13,5	60	

<b>TT</b>	<b>Tên học phần (Tiếng Việt)</b>	<b>Mã học phần</b>	<b>Nội dung cần đạt được của từng học phần</b>	<b>Tổng số TC</b>	<b>LT</b>	<b>TL, TH, TT</b>	<b>Tự học</b>	<b>Ghi chú</b>
			khoáng sản.					
54.	Kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học	KTTM2516	Sinh viên hiểu và phân tích được một số nét khái quát về kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học nói chung; hiểu và phân tích được các mô hình trong sử dụng, khai thác tài nguyên rừng, hệ thống kinh tế lâm nghiệp, thị trường lâm sản, tình hình quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên rừng ở Việt Nam; hiểu được các giá trị đa dạng sinh học, nguyên nhân gây suy thoái đa dạng sinh học dưới góc độ kinh tế; thực trạng sử dụng, khai thác đa dạng sinh học và bảo vệ đa dạng	2	19	11	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			sinh học ở Việt Nam.					
<i>II.3.2</i>	<i>Chuyên sâu về Kinh tế tài nguyên biển</i>			<i>16</i>				
55.	Kinh tế tài nguyên sinh vật biển	KTTM2517	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu và phân tích được một số mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên sinh vật biển; Đường cung của ngành khai thác tài nguyên sinh vật biển	4	41	4	90	
56.	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản biển	KTTM2509	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và phân tích được các mô hình khai thác tài nguyên khoáng sản biển, thị trường và giá cả khoáng sản biển	4	16,5	13,5	60	
57.	Kinh tế tài nguyên du lịch biển	KTTM2513	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và phân tích được những nội	4	43	17	120	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			dung cơ bản về đặc điểm, vai trò, của tài nguyên du lịch biển, mô hình khai thác					
58.	Quản lý tổng hợp vùng ven biển	KTTM2526	Hiểu và phân tích được các vấn đề cơ bản về tài nguyên vùng ven biển, quản lý tổng hợp và quản lý tổng hợp vùng ven biển	4	47	13	150	
<b>II.4</b>	<b>Thực tập và Đồ án tốt nghiệp</b>			<b>12</b>				
59.	Thực tập tốt nghiệp	ITS204	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên iết được tình hình thực tế của công tác khai thác và quản lý tài nguyên, môi trường; Các vấn đề về lượng giá giá trị tài nguyên, môi trường; Thực tế sử dụng phân tích chi phí - lợi ích trong lựa chọn các dự án	6	-	90	80	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			tài nguyên, môi trường ...tại đơn vị thực tập.					
60.	Khóa luận tốt nghiệp	DTT204	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng được những kiến thức cơ bản về ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên đã được trang bị vào thực tế để đưa ra được lựa chọn giữa các phương án về khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường.	6	-	90	-	
<b>II.5</b>	<b><i>Các môn thay thế đồ án tốt nghiệp</i></b>			<b>6</b>				
<i>II.5.1</i>	<i>Chuyên ngành kinh tế tài nguyên và môi trường</i>							
61.	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên	KTTM2840	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng, phân tích được vấn đề sử dụng đất; phân tích được mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai	3	12	31	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			thác thủy sản, một số công cụ sử dụng trong quản lý thủy sản; hiểu và phân tích được mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác gỗ và quản lý tài nguyên rừng.					
62.	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường	EEM204	Sinh viên hiểu và phân tích được nguyên nhân và cách thức con người gây ô nhiễm môi trường; hiểu và phân tích được các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường.	3	16	29	90	
II.5.2	<i>Chuyên ngành kinh tế tài nguyên biển</i>							
63.	Phân tích tổng hợp quản lý tài nguyên biển	KTTM2829	Sinh viên hiểu và phân tích được một số mô hình cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển; vận dụng, đánh giá được thực	3	12	33	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			trạng khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam.					
64.	Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên biển	KTTM2828	Sinh viên hiểu và phân tích được một số nội dung cơ bản về quản lý tổng hợp tài nguyên biển; vận dụng và đánh giá được thực trạng quản lý tổng hợp nguyên biển ở Việt Nam.	3	12	33	90	
<b>Tổng số tín chỉ</b>				<b>132</b>				

#### 4.3 Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA											
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1
<i>I</i>	Khối kiến thức giáo dục đại cương												
<i>I.1</i>	<i>Lý luận chính trị</i>												
1	Những nguyên	x			x		x				x		x



TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
	lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1													
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	x			x		x					x		x
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	x			x		x					x		x
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x			x		x					x		x
I.2	<b><i>Khoa học xã hội</i></b>													
4	Pháp luật đại cương	x			x		x				x		x	x
5	Kỹ năng mềm	x			x		x					x	x	x
I.3	<b><i>Ngoại ngữ</i></b>													
7	Tiếng Anh 1					x	x						x	x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
8	Tiếng Anh 2					x	x					x		x
9	Tiếng Anh 3					x	x					x		x
I.4	<i>Khoa học tự nhiên - Tin học</i>													
10	Toán cao cấp	x					x							
11	Tin học đại cương	x					x					x		
I.5	<i>Giáo dục thể chất</i>													
I.6	<i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i>													
II	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>													
II.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>													
12	Tài chính - Tiền tệ		x				x			x				
13	Kinh tế vi mô		x				x			x				
14	Kinh tế		x				x			x				

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
	vĩ mô													
15	Nguyên lý thống kê kinh tế		x				x			x				
16	Cơ sở khoa học môi trường		x				x			x				x
17	Nguyên lý kế toán		x				x			x				
18	Quản trị học		x				x			x				
19	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám		x				x					x		
20	Kinh tế đầu tư		x				x			x				x
21	Lịch sử các học thuyết kinh tế		x				x			x				x
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>													
<b>II.2.1</b>	<b>Bắt buộc</b>													
22	Cơ sở lý thuyết kinh tế tài nguyên và		x		x	x	x	x						x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
	môi trường													
23	Kinh tế công cộng			x	x		x	x					x	x
24	Phân tích chi phí-lợi ích			x	x		x	x	x				x	x
25	Kinh tế học biến đổi khí hậu			x	x		x	x					x	x
26	Phương pháp nghiên cứu kinh tế			x	x		x	x					x	x
27	Kế toán tài chính			x	x		x	x					x	x
28	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên			x	x		x	x		x			x	x
29	Thương mại và tài nguyên môi trường			x	x		x	x		x			x	x
30	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường			x	x		x	x	x	x	x		x	x
31	Hạch toán quản lý môi			x	x		x	x		x			x	x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
	trường													
32	Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường			x	x		x	x	x	x		x	x	
33	Kinh tế môi trường			x	x		x	x	x	x		x	x	
34	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp			x	x		x	x		x	x	x	x	
35	Kinh tế tài nguyên biển			x	x		x	x	x	x		x	x	
36	Kiến tập			x	x		x	x			x	x	x	
37	Thực hành nghề nghiệp			x	x		x	x	x	x	x	x	x	
38	Đề án môn học- Kinh tế tài nguyên và môi trường			x	x		x	x	x	x	x	x	x	
II.2.2	<b>Kiến thức chuyên sâu</b>													
A	<i>Kinh tế tài nguyên và môi trường</i>													
39	Quản lý kinh tế			x	x		x		x	x	x	x	x	

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
	môi trường													
40	Quản lý kinh tế tài nguyên			x	x		x	x	x	x	x	x	x	
41	Kinh tế tài nguyên du lịch			x	x		x	x	x	x		x	x	
42	Kinh tế tài nguyên đất			x	x		x	x	x	x		x	x	
43	Kinh tế tài nguyên nước			x	x		x	x	x	x		x	x	
44	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản			x	x		x	x	x	x		x	x	
B	<i>Kinh tế tài nguyên biển</i>													
45	Kinh tế tài nguyên sinh vật biển			x	x		x	x	x	x		x	x	
46	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng			x	x		x	x	x	x		x	x	

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
	sản biển													
47	Kinh tế tài nguyên du lịch biển			x	x		x	x	x	x			x	x
48	Quản lý tổng hợp vùng ven biển			x	x		x	x	x	x			x	x
II.3	<b>II.3 Thực tập và Đồ án tốt nghiệp</b>													
49	Thực tập tốt nghiệp				x		x	x	x	x			x	x
50	Khóa luận tốt nghiệp				x		x	x	x	x			x	x
III	<b>kiến thức bổ trợ, tự chọn</b>													
III.1	<b>Khối kiến thức tự chọn</b>													
51	Tâm lý quản lý		x		x		x				x		x	x
52	Lịch sử các học thuyết kinh tế		x		x		x			x			x	x
53	Kinh tế đầu tư		x		x		x			x	x		x	x
54	Quản lý nhà nước về kinh tế		x		x		x			x	x		x	x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
55	Tài chính công		x				x			x			x	x
56	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám		x				x					x		
57	Tiếp cận công đồng trong quản lý tài nguyên			x	x		x	x		x			x	x
58	Dự báo phát triển kinh tế xã hội			x	x		x			x		x	x	x
59	Du lịch sinh thái			x			x		x	x			x	x
60	Kiểm soát ô nhiễm môi trường			x	x		x		x	x			x	x
61	Thống kê tài nguyên và môi trường			x	x		x	x		x		x	x	x
62	Đánh giá tác động môi trường			x			x		x	x	x		x	x
63	Kiểm toán môi trường			x			x		x	x	x		x	x
III/.2	<b>Các môn thay thế</b> <b>Khóa luận tốt nghiệp</b>													
A	<i>Kinh tế tài nguyên và môi trường</i>													



TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
64	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên			x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
65	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường			x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
<i>B</i>	<i>Kinh tế tài nguyên biển</i>													
66	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên biển			x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
67	Phân tích tổng hợp trong quản lý tài nguyên biển			x	x		x	x	x	x	x	x	x	x

#### 4.4 Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ										
				1	2	3	4	5	6	7	8			

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>27</b>										
<b>I.1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>10</b>										
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	LTML2101	2	2									
2.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	LTML 2102	3		3								
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LTTT2101	2			2							
4.	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	LTĐL2101	3				3						
<b>I.2</b>	<b>Khoa học xã hội</b>		<b>4</b>										
5.	Kỹ năng mềm	KTQU2151	2		2								
6.	Pháp luật đại cương	LTPL2101	2	2									
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>8</b>										
7.	Tiếng Anh 1	NNTA2101	3	3									

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
8.	Tiếng Anh 2	NNTA2102	3		3							
9.	Tiếng Anh 3	NNTA2103	2			2						
<b>I.4</b>	<b><i>Khoa học tự nhiên – Tin học</i></b>		<b>5</b>									
10.	Toán cao cấp	KDTO2108	3	3								
11.	Tin học đại cương	CTKH2151	2	2								
<b>I.5</b>	<b><i>Giáo dục thể chất</i></b>		<b>5</b>									
<b>I.6</b>	<b><i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i></b>		<b>165 tiết</b>									
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>105</b>									
<b>II.1</b>	<b><i>Kiến thức cơ sở ngành</i></b>		<b>25</b>									
<b>II.1.1</b>	<b><i>Bắt buộc</i></b>											
12.	Tài chính - Tiền tệ	KTKN2301	3				3					
13.	Kinh tế vi mô	KTKH2301	3	3								

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
14.	Kinh tế vĩ mô	KTKH2302	3		3							
15.	Nguyên lý thống kê kinh tế	PES202	3			3						
16.	Cơ sở khoa học môi trường	MTQM2301	2		2							
17.	Nguyên lý kế toán	KTKE2501	3				3					
18.	Quản trị học	KTQU2101	2		2							
II.1.2	Tự chọn	6/12										
19.	Tâm lý quản lý	POM101	2									
				6/1 2								
20.	Lịch sử các học thuyết kinh tế (*)	KTKH2510	2		2							
	Kinh tế đầu tư (*)	INE202	2				2					

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ							
				1	2	3	4	5	6	7	8
21.											
22.	Quản lý nhà nước về kinh tế	SME203	2								
23.	Tài chính công	PLF203	2								
24.	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám (*)	TBAB2451	2				2				
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>52</b>								
<b>II2.1</b>	<b>Bắt buộc</b>										
25.	Cơ sở lý thuyết trong kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2530	3			3					
26.	Kinh tế công cộng	PLE202	3				3				
27.	Phân tích chi phí - lợi ích	CBA203	3						3		
28.	Kinh tế học biến đổi khí hậu	ECC202	2					2			
	Phương pháp nghiên	ERM204	2						2		

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
29.	cứu kinh tế											
30.	Kế toán tài chính	KTKE2524	2					2				
31.	Thương mại và tài nguyên môi trường	CRE203	2				2					
32.	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	KTTM2538	3						3			
33.	Hạch toán quản lý môi trường	EMA204	3							3		
34.	Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2419	5					5				
35.	Kinh tế môi trường	EVE202	3			3						
36.	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	KTTM2418	2							2		
37.	Kinh tế tài nguyên biển	KTTM2510	2					2				
38.	Kiến tập	KTTM2505	4			4						

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
39.	Thực hành nghề nghiệp	KTTM2527	4					4				
40.	Đề án môn học-Kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2539	3								3	
<b>II.2.2</b>	<b>Tự chọn</b>	6/14										
41.	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên (*)	KTTM2637	2								2	
42.	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	KTTM2641	2									
43.	Du lịch sinh thái	ECT202	2									
44.	Kiểm soát ô nhiễm môi trường (*)	EVT202	2					2				
45.	Thống kê tài nguyên và môi trường	SRE203	2									
46.	Đánh giá tác động môi trường	EIA424	2									
	Kiểm toán môi	KTKN2604	2						2			

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
47.	trường (*)											
<b>II.3</b>	<b>Kiến thức chuyên sâu</b>		<b>16</b>									
<b>II.3.1</b>	<i>Chuyên sâu về Kinh tế tài nguyên và môi trường</i>		<i>16</i>									
48.	Quản lý kinh tế môi trường	KTTM2524	3						3			
49.	Quản lý kinh tế tài nguyên	KTTM2525	3							3		
50.	Kinh tế tài nguyên du lịch	KTTM2512	2							2		
51.	Kinh tế tài nguyên đất	KTTM2511	2					2				
52.	Kinh tế tài nguyên nước	KTTM 2515	2						2			
53.	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản	KTTM2514	2						2			
54.	Kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học	KTTM2516	2							2		



STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
<i>II.3.2</i>	<i>Chuyên sâu về Kinh tế tài nguyên biển</i>		<i>16</i>									
55.	Kinh tế tài nguyên sinh vật biển	KTTM2517	4						4			
56.	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản biển	KTTM2509	4						4			
57.	Kinh tế tài nguyên du lịch biển	KTTM2513	4							4		
58.	Quản lý tổng hợp vùng ven biển	KTTM2526	4							4		
<i>II.4</i>	<i>Thực tập và Đồ án tốt nghiệp</i>		<i>12</i>									
59.	Thực tập tốt nghiệp	ITS204	6									6
60.	Khóa luận tốt nghiệp	DTT204	6									6
<i>II.5</i>	<i>Các môn thay thế đồ án tốt nghiệp</i>		<i>6</i>									
<i>II.5.1</i>	<i>Chuyên ngành kinh tế tài nguyên và môi trường</i>											

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
61.	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên	KTTM2840	3									3
62.	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường	EEM204	3									3
<i>II.5.2</i>	<i>Chuyên ngành kinh tế tài nguyên biển</i>											
63.	Phân tích tổng hợp quản lý tài nguyên biển	KTTM2829	3									3
64.	Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên biển	KTTM2828	3									3
<b>Tổng số tín chỉ học mỗi kỳ học</b>				<b>15</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>12</b>	
<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>132/ 156</b>									

*Ghi chú: (\*) Không kể GDTC và GDQP-AN*

## **4.5 Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần**

### **1) Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1 2TC**

Sinh viên cần đạt được các nội dung: Khái lược về chủ nghĩa Mac – Lênin và một số vấn đề chung của môn học cũng như nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mac – Lênin bao gồm: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

### **2) Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 2 3 TC**

Sinh viên cần đạt được các nội dung: Ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mac – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mac – Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học và khái quát về hiện thực và triển vọng của chủ nghĩa xã hội.

### **3) Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam 3TC**

Sinh viên cần đạt được các nội dung: Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, đường lối đấu tranh giành chính quyền 1930 – 1945; đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược 1945 – 1975; đường lối công nghiệp hóa; đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường đường lối xã hội chủ nghĩa; đường lối xây dựng hệ thống chính trị; đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; đường lối đối ngoại.

### **4) Tư tưởng Hồ Chí Minh 2TC**

Sinh viên cần đạt được các nội dung: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về 6 vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam đó là: dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam, về vấn đề đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân, về văn hóa đạo đức và xây dựng con người mới.

### **5) Kỹ năng mềm 2TC**

Học phần Kỹ năng mềm bao gồm các vấn đề thiết thực và gần gũi, cung cấp cho người học những Kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.

#### **6) Pháp luật đại cương**

**2 TC**

Sinh viên cần đạt được các nội dung: Những kiến thức cơ bản nhất về Nhà nước, pháp luật nói chung; và nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau..

#### **7) Tiếng Anh 1**

**3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Unit 1: People and Places; Unit 2: Everyday life; Unit 3: Loves and Hates; Unit 4: Eating and Drinking; Unit 5: Extraordinary Lives; Unit 6: Buying and Selling; Unit 7: The world around us; Unit 8: Going places

#### **8) Tiếng Anh 2**

**3 TC**

Chương trình tiếng Anh cơ bản dành cho hệ Cao đẳng và Đại học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh như: Ôn tập lại cách sử dụng của động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, động từ khuyết thiếu... Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày cũng như giúp SV nói được về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước. các hoạt động thể thao, nghề nghiệp trong tương lai. Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách phát âm các dạng động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; danh từ số nhiều....Các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở dạng làm quen ban đầu.

#### **9) Tiếng Anh 3**

**2 TC**

Chương trình tiếng Anh cơ bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh như: Ôn tập lại cách sử dụng của động từ ở thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, câu điều kiện và động từ khuyết thiếu. Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày cũng như giúp SV nói được về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô

tả người quen và trao đổi những trải nghiệm. Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách phát âm các dạng động từ được chia ở dạng hiện tại, quá khứ; hiện tại hoàn thành, câu điều kiện và câu trực tiếp, gián tiếp. Các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở dạng cơ bản.

#### **10) Toán cao cấp**

**3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các kiến thức về ma trận và định thức; Các kiến thức về hệ phương trình tuyến tính; Các kiến thức về hàm số một biến số; Các kiến thức về hàm số nhiều biến số; Các kiến thức về cực trị của hàm số nhiều biến số; Các kiến thức về phương trình vi phân.

#### **11) Tin học đại cương**

**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet; Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành; Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

#### **12) Giáo dục thể chất**

**5TC**

Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn:

\* Phần bắt buộc (3TC)

(1) Thể dục (1TC):

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản trong công tác giáo dục thể chất (nhiệm vụ và chức năng của sinh viên, các hình thức giáo dục thể chất trong trường đại học; cấu trúc cơ bản của vận động thông qua một số bài thể dục cơ bản, giúp cho SV có được tư thế tác phong nhằm chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và nâng cao thể lực.

(2) Điền kinh 1 (1TC) và Điền kinh 2 (1TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức cơ bản trong môn chạy cự ly trung bình, cự ly ngắn và môn nhảy cao; phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài điền kinh.

\* Phần tự chọn (2TC): SV chọn một trong các môn học sau (mỗi môn học bao gồm 2 học phần):

(1) Bóng chuyền 1 (1TC) và Bóng chuyền 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: các kiến thức cơ bản về luật và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng chuyền; một số kỹ thuật cơ bản trong bóng chuyền nhằm chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(2) Cầu lông 1(1TC) và Cầu lông 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: các kiến thức về lịch sử ra đời và phát triển môn cầu lông trên thế giới và Việt Nam, tác dụng của tập luyện và thi đấu; kỹ thuật, chiến thuật trong thi đấu cầu lông. Luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn cầu lông, giúp SV chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(3) Bơi lội 1(1TC) và Bơi lội 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về bơi lội thông qua các bài tập, giúp SV chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(4) Bóng rổ 1 (1TC) và Bóng rổ 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: những kiến thức cơ bản về môn bóng rổ thông qua các bài tập, giúp SV có được tư thế tác phong, chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

**13) Giáo dục Quốc phòng - An ninh**

**8TC**

Bao gồm 3 học phần: Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng – an ninh và Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK.

(1) Đường lối quân sự của Đảng (3TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức về Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quan đội và bảo vệ tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

(2) Công tác quốc phòng – an ninh và Quân sự chung (2TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức về chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

(3) Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK (3TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

#### **14) Tài chính - Tiền tệ**

**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, Ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

#### **15) Kinh tế vi mô**

**3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, Ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

#### **16) Kinh tế vĩ mô**

**3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomic) là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỉ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất

nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.

### **17) Nguyên lý thống kê kinh tế**

**2 TC**

Nội dung học phần Nguyên lý thống kê kinh tế giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê như thu thập thông tin, tổng hợp và xử lý các số liệu thống kê, phân tích, đánh giá và dự báo trên cơ sở những thông tin đã được xử lý. Nội dung kiến thức của học phần được phân bổ thành 6 chương: Chương 1. Tổng quan về nguyên lý thống kê: giới thiệu những kiến thức chung thống kê, học phần nguyên lý thống kê, khái niệm thường dùng trong thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê; Chương 2. Thu thập dữ liệu thống kê: giới thiệu những kiến thức về thông tin thống kê, thu thập thông tin thống kê, bao gồm: khái niệm, các hình thức tổ chức, phương pháp thu thập thông tin thống kê, phương pháp chọn mẫu; Chương 3. Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê bằng bảng và đồ thị: giới thiệu các kiến thức về phân tổ thống kê, bảng thống kê, đồ thị thống kê. Chương 4. Các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng: giới thiệu những kiến thức về các chỉ số so sánh, các chỉ tiêu thể hiện điển hình, các chỉ tiêu đánh giá mức độ điển hình của số bình quân và cách sử dụng phần mềm SPSS trong tính toán các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng; Chương 5. Các phương pháp phân tích thống kê: giới thiệu các kiến thức về ước lượng khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết thống kê, phân tích tương quan, hồi qui và cách sử dụng phần mềm SPSS trong tính toán các chỉ tiêu phân tích thống kê; Chương 6. Các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng: giới thiệu các phương pháp dự báo dựa trên dãy số biến động thời gian và phương pháp chỉ số.

### **18) Cơ sở khoa học môi trường**

**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những kiến thức chung liên quan đến môi trường và khoa học môi trường, các thành phần cơ bản của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường; Các vấn đề về dân số, lương thực thực phẩm, năng lượng và phát triển bền vững

### **19) Nguyên lý kế toán**

**3 TC**

Hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình.



**20) Quản trị học****2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những vấn đề căn bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

**21) Tâm lý quản lý****2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: những vấn đề chung của tâm lý học quản lý; đặc điểm tâm lý của đối tượng quản lý; tâm lý trong công tác lãnh đạo và tâm lý trong việc quản lý và sử dụng con người; và những hiện tượng tâm lý trong tập thể lao động

**22) Lịch sử các học thuyết kinh tế****2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những nội dung cơ bản của lịch sử các học thuyết kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu về lịch sử phát triển của khoa học kinh tế cho sinh viên; giới thiệu những quan điểm tư tưởng và học thuyết kinh tế cơ bản của các nhà kinh tế tiêu biểu thuộc các trường phái qua các thời đại lịch sử như lý thuyết kinh tế của William Petty, những đóng góp về kinh tế của K.Marx, F.Engls... Lý thuyết về lợi thế so sánh, lợi thế tuyệt đối, học thuyết kinh tế của AdamSmith, lý thuyết “năng suất giới hạn” của Mỹ...

**23) Kinh tế đầu tư****2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển như bản chất đầu tư phát triển, các nguồn hình thành vốn đầu tư, quản lý đầu tư. Bên cạnh đó, học phần còn làm rõ cơ sở khoa học và nội dung cơ bản của lập, thẩm định dự án đầu tư cũng như đấu thầu trong các dự án đầu tư và quản lý đầu tư. Đặc biệt, học phần cung cấp hệ thống các chỉ tiêu để phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển. Môn học cung cấp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để phân biệt đầu tư phát triển với những loại hình đầu tư khác trong thực tế, từ đây sinh viên có những cách thức đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội của những dự án khác nhau. Môn học giúp sinh viên nắm được những cách thức lập dự án và thẩm định các dự án đầu tư trong thực tế.

**24) Quản lý nhà nước về kinh tế****2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản có hệ thống về quản lý Nhà nước nói chung, quản lý Nhà nước về kinh tế nói riêng, bao gồm: Nhà nước và quản lý Nhà nước, đặc điểm, đối tượng của quản lý Nhà nước về kinh tế, mục tiêu, nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế, các chức năng cơ bản của quản lý Nhà nước về kinh tế, văn bản và quyết định trong quản lý Nhà nước về kinh tế, cơ cấu và công chức trong bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế

## **25) Tài chính công**

**2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các vấn đề cơ bản về tài chính công như hoạt động và cách thức tổ chức, các bộ phận cấu thành của khu vực tài chính công, ngân sách nhà nước, nguyên tắc Ngân sách nhà nước, các vấn đề về hệ thống và chu trình ngân sách nhà nước. Đồng thời đi sâu vào các vấn đề chính bao gồm thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách nhà nước, cân đối ngân sách nhà nước và các vấn đề về các quỹ ngoài ngân sách nhà nước

## **26) Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám**

**2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cung cấp những kiến thức cơ bản về viễn thám, bộ cảm biến và các vệ tinh viễn thám; Giới thiệu về ảnh vệ tinh quang học, các phương pháp xử lý ảnh vệ tinh quang học; thuật toán phân loại ảnh vệ tinh quang học; Giới thiệu khái quát về GIS, khái niệm cơ bản về GIS, các thành phần của GIS, lịch sử phát triển GIS. Trình bày những nguyên lý cơ bản về các kiểu cấu trúc dữ liệu thường gặp trong các hệ thống thông tin địa lý hiện hành. Nhập và xây dựng cơ sở dữ liệu là một công đoạn quan trọng trong ứng dụng GIS. Trên cơ sở dữ liệu được xây dựng, hầu hết các ứng dụng phải tiến hành phân tích và xử lý dữ liệu để cho ra kết quả cụ thể theo mục đích ứng dụng.

## **27) Cơ sở lý thuyết trong kinh tế tài nguyên và môi trường**

**3TC**

Học phần cung cấp những kiến thức về lý thuyết thặng dư, lý thuyết về ngoại ứng, lựa chọn trong điều kiện rủi ro; thị trường yếu tố sản xuất; can thiệp của chính phủ thông qua các công cụ kinh tế nhằm khắc phục những thất bại của thị trường trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên và môi trường.

## **28) Kinh tế công cộng**

**3TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kinh tế công cộng tập trung nghiên cứu về vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường, cách thức can thiệp và phương pháp đánh giá các tác động của các công cụ chính sách mà chính phủ sử dụng để điều tiết nền kinh tế. Môn học cung cấp một số các khái niệm cơ bản như chính phủ, khu vực công cộng, thất bại thị trường.... Môn học tập trung nghiên cứu về các vai trò của chính phủ đối với các thất bại của thị trường, cách thức chính phủ khắc phục các thất bại đó và đánh giá về hoạt động của chính phủ trong việc khắc phục các thất bại thị trường

### **29) Phân tích chi phí - lợi ích**

**3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần Phân tích chi phí - lợi ích trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế những kiến thức cơ bản về phương pháp phân tích chi phí - lợi ích được sử dụng trong việc lựa chọn các phương án khác nhau để thực hiện một dự án đầu tư. Phân tích chi phí - lợi ích là một quá trình nhận dạng, đo lường và so sánh các lợi ích và chi phí xã hội của một dự án đầu tư hay một chương trình nhằm xem xét việc phân bổ nguồn lực khan hiếm vào các mục đích sử dụng hiệu quả nhất. Cùng với nhiều kiến thức bổ trợ khác, học phần cung cấp cho người đọc một trong những công cụ phân tích kinh tế hữu ích nhằm cung cấp thông tin cho người ra quyết định xem xét, đánh giá và quyết định lựa chọn những phương án tốt nhất xét về khía cạnh đóng góp phúc lợi cho xã hội.

### **30) Kinh tế học biến đổi khí hậu**

**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kinh tế học biến đổi khí hậu nghiên cứu các vấn đề biến đổi khí hậu, ứng phó với biến đổi khí hậu với viễn cảnh và những ý tưởng phân tích của kinh tế học. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu khía cạnh kinh tế của biến đổi khí hậu, cách tiếp cận kinh tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu; từ đó đưa ra các giải pháp, các chính sách để kiểm soát các tác động từ biến đổi khí hậu đến hoạt động của con người, hướng đến phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu.

### **31) Phương pháp nghiên cứu kinh tế**

**2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương giới thiệu những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh như: (1) Tổng quan về nghiên cứu kinh tế: giới thiệu về khái niệm, vai trò, phân loại và qui trình

nghiên cứu kinh tế. (2). Xác định vấn đề nghiên cứu kinh tế: giới thiệu chung về khái niệm và phân loại vấn đề nghiên cứu kinh tế; tầm quan trọng và phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu. (3). Thiết kế nghiên cứu: giới thiệu chung về khái niệm thiết kế nghiên cứu, quy trình thiết kế nghiên cứu. Trong đó nhấn mạnh các nội dung: Đặt tên đề tài nghiên cứu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, xác định phương pháp luận nghiên cứu, xây dựng khung logic, xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu. Đồng thời giới thiệu phương pháp thiết kế công cụ thu thập dữ liệu. (4). Chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu kinh tế: giới thiệu những kiến thức về chọn mẫu và các phương pháp sử dụng để thu thập và xử lý các số liệu thứ cấp và sơ cấp. (5). Xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu: giới thiệu các kiến thức về các phương pháp xử lý dữ liệu, phân tích số liệu định tính và định lượng và phương pháp trình bày kết quả phân tích. (6). Trình bày báo cáo nghiên cứu: giới thiệu các dạng báo cáo nghiên cứu, cấu trúc cũng như cách trình bày đề cương nghiên cứu, báo cáo khoa học.

### **32) Kế toán tài chính**

**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn về kế toán tài chính doanh nghiệp bao gồm lập chứng từ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; nội dung; phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; sổ sách kế toán tổng hợp và việc lập hệ thống báo cáo tài chính.

### **33) Thương mại và tài nguyên môi trường**

**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần Thương mại và tài nguyên môi trường mô tả và phân tích về mối quan hệ không thể tách rời giữa thương mại, tài nguyên môi trường hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Học phần nêu nội dung các hiệp định trong WTO liên quan đến môi trường và các thỏa thuận quốc tế về vấn đề môi trường. Đồng thời liên hệ với tình hình thực tiễn áp dụng tại Việt Nam. Ngoài ra, hiểu biết về xu hướng phát triển mới của thương mại quốc tế có đề cập đến môi trường và sự phát triển bền vững cho thương mại và môi trường trong nước và trên thế giới.

### **34) Quản lý dự án tài nguyên và môi trường**

**3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Quản lý dự án tài nguyên và môi trường tập trung nghiên cứu về các hoạt động trong quản lý dự án tài nguyên và môi trường. Môn học cung cấp một số khái niệm cơ bản như dự án, quản lý dự

án, tầm quan trọng của quản lý các dự án tài nguyên và môi trường. Môn học tập trung cung cấp các nội dung cơ bản của hoạt động quản lý dự án tài nguyên và môi trường bao gồm lập kế hoạch, điều phối thực hiện dự án, đánh giá và giám sát dự án...

### **35) Hạch toán quản lý môi trường**

**3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về hạch toán quản lý môi trường; Phương pháp hạch toán quản lý nguyên vật liệu và năng lượng; Phương pháp hạch toán chi phí môi trường và lợi ích môi trường; Hướng dẫn phương pháp lập Báo cáo Chi phí – lợi ích môi trường; Phương pháp thẩm định đầu tư môi trường.

### **36) Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường**

**5 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về định giá kinh tế tài nguyên và môi trường - một trong những công cụ phân tích kinh tế nhằm cung cấp thông tin cho người ra quyết định đánh giá và lựa chọn được phương án tốt nhất xét về khía cạnh đóng góp phúc lợi cho xã hội đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào các vấn đề cơ bản sau: Tổng quan về cơ sở lý thuyết của định giá kinh tế tài nguyên và môi trường; Giới thiệu các phương pháp định giá kinh tế tài nguyên và môi trường; Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường ở Việt Nam và trên thế giới.

### **37) Kinh tế môi trường**

**3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kinh tế môi trường nghiên cứu các vấn đề về môi trường với viễn cảnh và những ý tưởng, phân tích của kinh tế học. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu nguyên nhân và cách thức con người gây ô nhiễm môi trường; từ đó đề ra những quy định, những chính sách kiểm soát ô nhiễm để giảm được suy thoái môi trường; Môn học cung cấp các khái niệm cơ bản về kinh tế môi trường như ngoại ứng, thuế ô nhiễm tối ưu, thị trường Quota ô nhiễm, trợ cấp giảm thải, tiêu chuẩn môi trường...bao hàm trong các vấn đề: Những khái niệm ban đầu về môi trường; mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường; các vấn đề kinh tế về ô nhiễm môi trường.

**38) Kỹ năng phát triển nghề nghiệp****2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng nghề nghiệp. Cách thức để sắp xếp và quản lý thời gian làm việc đạt hiệu quả. Khả năng tư duy logic tốt và áp dụng vào công việc một cách hiệu quả. Kỹ năng lập kế hoạch và ra các quyết định ngắn hạn và dài hạn. Giải quyết các tình huống phát sinh trong công việc với tổ chức, cá nhân trong và ngoài doanh nghiệp

**39) Kinh tế tài nguyên biển****2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần Kinh tế Tài nguyên Biển nghiên cứu tài nguyên biển theo cách tiếp cận kinh tế tài nguyên. Theo đó, học phần tập trung làm rõ những vấn đề như: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, đặc điểm của kinh tế tài nguyên biển và tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay. Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về một số mô hình lý thuyết trong khai thác tài nguyên biển; Những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển; Các phương pháp cơ bản đánh giá giá trị tài nguyên biển. Ngoài ra, học phần còn làm rõ những vấn đề thực tiễn về khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.

**40) Kiến tập****3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập; Giới thiệu chung về đơn vị thực tập. Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập; Tìm hiểu trữ lượng tài nguyên, thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên; Tìm hiểu thực trạng ô nhiễm môi trường và các cách xử lý ô nhiễm môi trường; Viết báo cáo sau quá trình đi kiến tập.

**41)Thực hành nghề nghiệp****3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập. Giới thiệu chung về đơn vị thực tập. Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập. Tìm hiểu thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên. Tìm hiểu thực trạng quản lý ô nhiễm môi trường và các cách xử lý ô nhiễm môi trường. Phân tích thuận lợi và khó khăn trong khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường tại Việt Nam. Lượng giá được giá trị tài nguyên và môi trường tại nơi kiến tập. Viết báo cáo sau quá trình đi kiến tập

**42) Đề án môn học - Kinh tế tài nguyên và môi trường** **3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Đề án môn học chuyên ngành là một công trình NCKH độc lập của sinh viên dựa trên cơ sở thu thập dữ liệu thứ cấp để làm rõ hơn, sâu hơn một vấn đề của môn học chuyên ngành, là bước khởi đầu trong quá trình NCKH của sinh viên.

**43) Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên** **2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên nghiên cứu những nội dung cơ bản về cộng đồng và phát triển cộng đồng: Khái niệm cộng đồng, khái niệm phát triển cộng đồng, mục tiêu, nội dung, nguyên lý của phát triển cộng đồng, tiến trình phát triển cộng đồng, sự tham gia, năng lực tự quản, các mâu thuẫn trong cộng đồng; khái niệm và vai trò của quản lý tài nguyên; khái niệm và sự cần thiết của tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên; Các nguồn lực cho phát triển cộng đồng; các công cụ thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên; Sự tham gia của cộng đồng; sự tham gia của cộng đồng trong quản lý một số tài nguyên ở Việt Nam.

**44) Dự báo phát triển kinh tế xã hội** **2TC**

Nội dung được đề cập về Những vấn đề cơ bản của dự báo kinh tế xã hội. Một số phương pháp dự báo thông dụng: Trình bày nội dung, ưu nhược điểm của một số phương pháp được sử dụng trong thực tiễn dự báo như: Phương pháp san mũ, phương pháp thời vụ, phương pháp bằng mô hình hồi quy, phương pháp ARIMA, phương pháp chuyên gia. Dự báo các nguồn lực phát triển kinh tế. Dự báo cầu thị trường: Dự báo tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu

**45) Du lịch sinh thái** **2TC**

Học phần Du lịch sinh thái cung cấp cho sinh viên các nội dung như sau: các khái niệm về du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng xây dựng quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái

**46) Kiểm soát ô nhiễm môi trường** **2TC**

Các nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các khái niệm về kiểm soát ô nhiễm môi trường, chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm môi trường; Bốn trụ cột trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Các quy định pháp luật liên

quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường; Các thủ tục hành chính trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Hướng dẫn các hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, nhập khẩu phế liệu, kiểm soát ô nhiễm hóa chất; Hướng dẫn xây dựng kế hoạch kiểm soát ô nhiễm môi trường;

**47) Thống kê tài nguyên và môi trường** **2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê tài nguyên và môi trường. 1. Những vấn đề cơ bản của thống kê tài nguyên và môi trường Thống kê tài nguyên đất: giới thiệu những kiến thức về đất đai, phân loại đất và một số phương pháp tính tài nguyên đất; Chương 3. Thống kê tài nguyên nước. Thống kê tài nguyên khoáng sản Thống kê tài nguyên môi trường, Thống kê lao động

**48)Đánh giá tác động môi trường** **2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về đánh giá tác động môi trường; Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường; Các phương pháp dùng trong đánh giá tác động môi trường

**49) Kiểm toán môi trường** **2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Khái niệm và nội dung kiểm toán môi trường; Khái niệm và quy trình thực hiện kiểm toán đánh giá tác động môi trường; Khái niệm và quy trình thực hiện kiểm toán hệ thống quản lý môi trường; Khái niệm, quy trình thực hiện kiểm toán chất thải.

**50) Quản lý kinh tế môi trường** **3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cơ sở lý luận và thực tiễn trong quản lý kinh tế môi trường; Quản lý nhà nước về môi trường; Quản lý kinh tế chất thải; Quản lý môi trường trong doanh nghiệp.

**51) Quản lý kinh tế tài nguyên** **3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Quản lý kinh tế tài nguyên đất; Quản lý kinh tế tài nguyên nước; Quản lý kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; Quản lý kinh tế tài nguyên biển và hải đảo; Quản lý kinh tế tài nguyên khoáng sản.

**52) Kinh tế tài nguyên du lịch** **2 TC**



Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về học phần Kinh tế tài nguyên du lịch; Khái niệm, đặc điểm, vai trò của tài nguyên du lịch; Phân loại tài nguyên du lịch; Tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên du lịch; Một số triết lý cơ bản trong khai thác tài nguyên du lịch, bao gồm du lịch bền vững, du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm và du lịch dựa vào cộng đồng; Quản lý và phát triển tài nguyên du lịch thông qua điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch và các biện pháp bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch.

**53) Kinh tế tài nguyên đất**

**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về kinh tế tài nguyên đất và các nội dung về kinh tế tài nguyên đất.

**54) Kinh tế tài nguyên nước**

**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về kinh tế tài nguyên nước gồm những vấn đề cơ bản về kinh tế tài nguyên nước như: khái niệm, vai trò của nước; tài nguyên nước trên thế giới và Việt Nam;...Thị trường nước: Cung, cầu đối với nước; thị trường nước và giá cả nước. Cơ sở kinh tế của việc phân tích kinh tế các dự án tài nguyên nước: giá trị thời gian của tiền; lợi ích và chi phí của các dự án; một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả dự án. Phân tích kinh tế một số dự án tài nguyên nước: đối với dự án cấp nước sinh hoạt, dự án cấp nước nông nghiệp và dự án cấp nước thủy điện.

**55) Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản**

**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về Kinh tế tài nguyên năng lượng và tài nguyên khoáng sản. Kinh tế tài nguyên năng lượng: Khai thác, sử dụng năng lượng, mối quan hệ giữa năng lượng với kinh tế và môi trường; phân tích tài chính, kinh tế của dự án năng lượng... Kinh tế tài nguyên khoáng sản: Các mô hình khai thác tài nguyên khoáng sản; thị trường và giá cả khoáng sản; phân tích tài chính, kinh tế dự án khai thác mỏ khoáng sản và quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam.

**56) Kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học**

**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về kinh tế tài nguyên trong đó sẽ đưa ra những nét chung nhất, khái quát nhất về tài nguyên rừng, đa dạng

sinh học và kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; Mô hình sinh học, khai thác rừng; hệ thống kinh tế lâm nghiệp và thị trường lâm sản, phát triển rừng và thực trạng quản lý khai thác và sử dụng rừng ở Việt Nam; Khai thác và sử dụng đa dạng sinh học; mối quan hệ giữa đa dạng sinh học và phát triển, suy thoái đa dạng sinh học, khai thác sử dụng đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam.

#### **57) Kinh tế tài nguyên sinh vật biển**

**3TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần Kinh tế Tài nguyên sinh vật Biển nghiên cứu tài nguyên sinh vật biển theo cách tiếp cận kinh tế tài nguyên. Theo đó, học phần tập trung làm rõ những vấn đề như: Khái niệm, phân loại tài nguyên sinh vật biển; Vai trò của tài nguyên sinh vật biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, đặc điểm của kinh tế tài nguyên sinh vật biển và tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên sinh vật biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên sinh vật biển hiện nay. Học phần cung cấp những hiểu biết về một số mô hình lý thuyết trong khai thác tài nguyên sinh vật biển; Đường cung của ngành khai thác tài nguyên sinh vật biển

#### **58) Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản biển**

**4TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về Kinh tế tài nguyên năng lượng và tài nguyên khoáng sản biển; Kinh tế tài nguyên năng lượng biển: Khai thác, sử dụng năng lượng, mối quan hệ giữa năng lượng biển với kinh tế và môi trường; phân tích tài chính, kinh tế của dự án năng lượng biển; Kinh tế tài nguyên khoáng sản biển: Các mô hình khai thác tài nguyên khoáng sản biển; thị trường và giá cả khoáng sản biển; phân tích tài chính, kinh tế dự án khai thác mỏ khoáng sản và quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản biển ở Việt Nam..

#### **59) Kinh tế tài nguyên du lịch biển**

**4TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần Kinh tế tài nguyên du lịch biển nghiên cứu tài nguyên du lịch biển theo cách tiếp cận kinh tế tài nguyên du lịch biển. Theo đó, học phần tập trung làm rõ những vấn đề như: Khái niệm, phân loại tài nguyên du lịch biển; Vai trò của tài nguyên du lịch biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, đặc điểm của kinh tế tài nguyên du lịch biển và tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên du lịch biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên du lịch biển hiện nay. Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về một số mô

hình lý thuyết trong khai thác tài nguyên du lịch biển; Những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên du lịch biển; Các phương pháp cơ bản đánh giá giá trị tài nguyên du lịch biển. Ngoài ra, học phần còn làm rõ những vấn đề thực tiễn về khai thác và quản lý tài nguyên du lịch biển ở Việt Nam hiện nay

#### **60) Quản lý tổng hợp vùng ven biển**

**4TC**

Quản lý tổng hợp vùng ven biển nghiên cứu các vấn đề về vùng ven biển. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu và phân tích tầm quan trọng của vùng ven biển; các thách thức và bối cảnh kinh tế - xã hội, thể chế - chính sách quản lý vùng ven biển và xác định các vấn đề bức xúc, ưu tiên quản lý của vùng ven biển. Từ đó, lập kế hoạch quản lý tổng hợp vùng ven biển, phân vùng chức năng trong quản lý tổng hợp vùng ven biển, nêu rõ thực trạng việc quản lý tổng hợp vùng ven biển ở Việt Nam và các biện pháp khắc phục

#### **61) Thực tập tốt nghiệp**

**6 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của đơn vị thực tập; Tìm hiểu về các hoạt động khai thác và quản lý, lượng giá giá trị tài nguyên môi trường, phân tích chi phí - lợi ích trong lựa chọn phương án khai thác quản lý tài nguyên và môi trường; Thực tập các hoạt động trong khai thác và quản lý tài nguyên, môi trường.

#### **62) Khóa luận tốt nghiệp**

**6 TC**

Tổng quan đề tài nghiên cứu: Cơ sở lý luận, hệ thống hóa lại những vấn đề lý luận về lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp. Thực trạng về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập. Những giải pháp cho vấn đề nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết những tồn tại, cải thiện hiện trạng để nâng cao hiệu quả lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.

#### **63) Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên**

**3TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về kinh tế tài nguyên trong đó sẽ đưa ra những nét chung nhất về tài nguyên và kinh tế tài nguyên; Những nội dung cơ bản về đất đai, cơ sở lý thuyết của kinh tế tài nguyên đất, đặc biệt học phần tập trung vào việc phân tích kinh tế, xã hội trong việc sử dụng đất; khái quát về kinh tế thủy sản, mô hình sinh học và

mô hình kinh tế khai thác thủy sản, một số công cụ sử dụng trong quản lý thủy sản; một số nét chung về tài nguyên rừng, mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác gỗ và quản lý rừng. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp một số công cụ chính để quản lý tài nguyên đất, tài nguyên nước, và tài nguyên rừng

#### **64) Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường**

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần tập trung vào việc nghiên cứu nguyên nhân và cách thức con người gây ô nhiễm môi trường; từ đó đề ra những quy định, những chính sách kiểm soát ô nhiễm để giảm được suy thoái môi trường. Mô hình quản lý kinh tế môi trường ở góc độ vi mô và góc độ vĩ mô.

#### **65) Phân tích tổng hợp quản lý tài nguyên biển**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Một số nội dung cơ bản về quản lý tổng hợp tài nguyên biển; thực trạng quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam.

#### **66) Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên biển**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Một số nội dung cơ bản về quản lý khai thác và sử dụng các loại tài nguyên biển; Thực trạng khai thác và sử dụng các loại tài nguyên biển ở Việt Nam.

### **4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình**

#### **4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu**

##### ***a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy***

Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy cho các ngành đào tạo tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội được thống kê ở bảng sau:

TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Phòng học	154	13.854	- Máy chiếu - Màn chiếu - Bảng chống lóa	104 107 154	Tất cả các học phần/môn học

TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
				- Bàn giáo viên	154	
				- Bàn sinh viên	3.650	
2	Phòng máy tính	28	1.988	- Máy tính	1.200	Tin học; Tiếng Anh
				- Máy chủ	02	
				- Máy chủ phiên	12	

**b. Thư viện**

Tổng diện tích thư viện: 890 m<sup>2</sup> trong đó diện tích các phòng đọc: 440 m<sup>2</sup>

Danh mục học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện, trung tâm học liệu thống kê cụ thể như sau:

TT	Tên	Số lượng
<b>I</b>	<b>Thư viện/Trung tâm học liệu của Trường</b>	
1	Số phòng đọc	2
2	Số chỗ ngồi đọc	200
3	Số máy tính của thư viện	100
4	Số lượng	
	- Đầu sách	387
	- Bản sách	2852
	- Tạp chí	30
	- E-book	6,588
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	2

Phần mềm Thư viện (tích hợp quản lý thư viện truyền thống và thư viện điện tử): iLibme

Thư viện điện tử: Đã kết nối với thư viện Đại học TNMT Thành phố Hồ Chí Minh các chương trình Fulbright, Cranfield University, Ohidink DRC Bowling Green State University, Đại học An Giang, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, nhóm trường Kiến trúc, nhóm trường Quản trị kinh doanh, nhóm trường Sư phạm, nhóm trường Y dược.

**c. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên**

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	1. Bộ giáo dục và đào tạo (2011). <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> , NXB Chính trị quốc gia
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2	1. Bộ giáo dục và đào tạo (2011). <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> , NXB Chính trị quốc gia
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1. Bộ giáo dục và đào tạo (2013), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , NXB Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1. Bộ giáo dục và đào tạo, (2016), <i>Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> , NXB Chính trị Quốc gia

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
5	Kỹ năng mềm	<p>1.ThS. Hoàng Thị Thu Hiền, ThS. Bùi Thị Bích, ThS. Nguyễn Như Khương, ThS. Nguyễn Thanh Thủy (2014), <i>Giáo trình kỹ năng mềm- tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác</i>, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh</p> <p>2. Lại Thế Luyện (2014), <i>Kỹ năng tìm việc làm</i>, NXB Thời đại</p> <p>3. Dương Thị Liễu (2013), <i>Kỹ năng thuyết trình</i>, NXB Kinh tế quốc dân</p>
6	Pháp luật đại cương	<p>1. Lê Minh Toàn (2009), <i>Pháp luật đại cương</i>, NXB. Chính trị Quốc gia</p> <p>2. Lê Minh Tâm (2009), <i>Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, Công An Nhân Dân</p> <p>3. Vũ Quang (2014) <i>Giáo trình Pháp luật đại cương</i>, NXB. Bách Khoa Hà Nội</p>
7	Tiếng anh 1	1. Cunningham, Sarah (2011), <i>New cutting Edge (Elementary)</i> , NXB Từ điển bách khoa
8	Tiếng anh 2	1. Cunningham, Sarah (2011), <i>New cutting Edge (Pre-Intermediate)</i> , NXB Từ điển bách khoa.
9	Tiếng anh 3	1. Cunningham, Sarah (2011), <i>New cutting Edge (Pre-Intermediate)</i> , NXB Từ điển bách khoa.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
10	Toán cao cấp	<p>1. Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh (2004), <i>Toán học cao cấp (Tập 1,2,3)</i>, Nhà xuất bản Giáo Dục</p> <p>2. Lê Xuân Hùng, Lê Thị Hương, Nguyễn Ngọc Linh, Đàm Thanh Tuấn (2018), <i>Bài tập Toán cao cấp</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>
11	Tin học đại cương	<p>1. Phạm Thị Anh Lê (CB) &amp;nnk, tập 1, 2, 3( 2015), <i>Tin học đại cương</i>, , Đại học Sư phạm</p> <p>2. <i>Tự học Microsoft Excel 2010, Tự học PowerPoint 2010 (2012)</i>, NXB Văn hóa Thông tin.</p> <p>3. <i>Tự học Word 2010</i>, (2011), NXB Hồng Bàng.</p>
12	Tài chính – Tiền tệ	<p>1. Đinh Xuân Hạng, Phạm Ngọc Dũng (2014), <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. TS.Lê Thị Mận (2013), <i>Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Lao động Xã hội</p> <p>3. Nguyễn Văn Tiến (2011), <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Thống kê</p>



STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
13	Kinh tế vi mô	<p>1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), <i>GT Kinh tế vi mô</i>, Nhà xuất bản xây dựng</p> <p>2. Vũ Kim Dũng (2012), <i>GT Nguyên lý kinh tế học vi mô</i>, NXB Lao động – Xã hội.</p> <p>3. Phí Mạnh Hồng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô</i>, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.</p> <p>4. Nguyễn Văn Dân (2011), <i>Kinh tế vi mô I</i>, NXB Tài chính.</p> <p>5. Robert S.Pindyck, Daniel L.Rubinfeld (2015), <i>Kinh tế học vi mô</i>, NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>6. Đinh Phi Hồ (2013), <i>Kinh tế vi mô căn bản và nâng cao</i>, NXB Tài chính</p>
14	Kinh tế vĩ mô	<p>1. Nguyễn Văn Công (2012), <i>Giáo trình Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô</i>, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam</p> <p>2. Nguyễn Văn Ngọc (2013), <i>Bài giảng Kinh tế vĩ mô</i>, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>3. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Ngô Thị Duyên (2018) <i>Giáo trình Kinh tế vĩ mô</i>, Nhà xuất bản Tài chính.</p>
15	Nguyên lý thống kê kinh tế	<p>1. Phan Công Nghĩa, Bùi Đức Triệu (2014), <i>Giáo Trình thống kê Kinh tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2017), <i>Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh</i>, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), <i>Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS</i>, NXB Hồng Đức</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
16	Cơ sở khoa học môi trường	<p>1. Lưu Đức Hải (2008), <i>Cơ sở khoa học môi trường</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p>2. Lê Văn Khoa (2008), <i>Khoa học môi trường</i>, NXB Giáo dục</p> <p>3. Nguyễn Chu Hồi (2005), <i>Cơ sở tài nguyên và môi trường biển</i>, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội</p>
17	Nguyên lý kế toán	<p>1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên (2018), <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i>, NXB Lao động xã hội</p> <p>2. Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, NXB Tài chính</p> <p>3. Phan Đức Dũng (2014), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực</i>, NXB Thống kê</p>
18	Quản trị học	<p>1. Nguyễn Hoàn (2012), <i>Giáo trình quản trị học</i>, NXB Lao động</p> <p>2. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hải Hà (2015), <i>Giáo trình Quản lý học</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân</p>
19	Tâm lý quản lý	<p>1. Đỗ Văn Phúc (2009), <i>Tâm lý trong quản lý doanh nghiệp</i>, NXB Bách Khoa.</p> <p>2. Nguyễn Văn Đồng (2011), <i>Giáo trình Tâm lý học giao tiếp</i>, NXB Chính trị - Hành chính.</p> <p>3. Nguyễn Bá Dương (2000), <i>Tâm lý học Quản lý</i>, NXB Chính trị Quốc gia</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
20	Lịch sử các học thuyết kinh tế	<p>1. Trần Bình Trọng (2009), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. TS.Hà Quý Tình và Ths.Trần Hậu Hùng (2008), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB Tài chính</p> <p>3. Phạm Văn Chiến, Nguyễn Ngọc Thanh (2010), NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.</p>
21	Kinh tế đầu tư	<p>1. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt, PGS.TS Từ Quang Phương (2010), <i>Giáo trình Kinh đầu tư</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân</p> <p>2. TS.Đỗ Phú Trần Tình (2009), <i>Giáo trình Lập và Thẩm định dự án đầu tư</i>, NXB Giao thông vận tải</p> <p>3. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), <i>Giáo trình Lập dự án đầu tư</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p>
22	Quản lý nhà nước về kinh tế	<p>1. Phan Huy Đường, Phan Anh, (2017), <i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB Đại học Đại học quốc gia Hà Nội</p> <p>2. Nguyễn Văn Sáu (2013), <i>Giáo trình quản lý kinh tế</i>, NXB Chính trị – Hành chính Quốc gia.</p>
23	Tài chính công	<p>1. Bùi Tiến Hanh, Phạm Thị Hoàng Phương (2016), <i>Giáo trình Quản lý tài chính công</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Hoàng Thị Thuý Nguyệt, Đào Thị Bích Hạnh (2016), <i>Giáo trình Lý thuyết Quản lý tài chính công</i>, NXB Tài chính</p> <p>3. Phan Huy Đường (2014), <i>Giáo trình quản lý công</i>, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
24	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vũ Danh Tuyên và nnk (2013), <i>Cơ sở viễn thám</i>, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</li> <li>2. Dương Đăng Khôi (2012), <i>Hệ thống thông tin địa lý</i>, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</li> <li>3. Lâm Quang Dốc (2003), <i>Bản đồ chuyên đề</i>, NXB Đại học Sư phạm</li> </ol>
25	Cơ sở lý thuyết trong kinh tế tài nguyên và môi trường	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phạm Văn Minh (2011), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô 2</i>, NXB lao động - xã hội.</li> <li>2. Vũ Cương, Phạm Văn Vận (2013), <i>Giáo trình Kinh tế công cộng</i>, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân</li> <li>3. Cao Thúy Xiêm (2008), <i>Kinh tế vi mô phần 2</i>, NXB Kinh tế quốc dân</li> </ol>
26	Kinh tế công cộng	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. TS. Vũ Cương, PGS.TS Phạm Văn Vận, (2013), <i>Giáo trình Kinh tế công cộng</i>, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân</li> <li>2. PGS. TS Nguyễn Văn Dân, TS Đỗ Thị Thục (2013), <i>Giáo trình Kinh tế công cộng</i>, Nhà xuất bản tài chính.</li> <li>3. PGS. TS Vũ Kim Dũng, PGS. TS Nguyễn Văn Công, (2012), <i>Giáo trình Kinh tế học (Tập II)</i>, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân</li> </ol>
27	Phân tích chi phí - lợi ích	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trần Võ Hùng Sơn (2003), <i>Nhập môn phân tích lợi ích - chi phí</i>, NXB QG TP HCM</li> <li>2. Phạm Thị Bích Thủy (2011), <i>Phân tích Lợi ích chi phí</i>, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</li> <li>3. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), <i>Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi</i></li> </ol>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<i>trường</i> , Nhà xuất bản tài chính
28	Kinh tế học Biến đổi Khí hậu	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trần Thọ Đạt (2012), <i>Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển</i>, NXB Giao thông vận tải</li> <li>2. Nguyễn Thế Chinh (2009), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê.</li> <li>3. Vũ Kim Dũng (2012), <i>Giáo trình Nguyên lý kinh tế học vi mô</i>, Nhà xuất bản Lao động – xã hội.</li> </ol>
29	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vũ Cao Đàm (2014), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</li> <li>2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh</i>, NXB Tài chính</li> <li>3. Nguyễn Văn Thắng (2014), <i>Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</li> </ol>
30	Kế toán tài chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Hoàn (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i>, NXB Tài chính.</li> <li>2. Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, NXB Tài chính</li> <li>3. Phan Đức Dũng (2014), <i>Bài tập và bài giải Kế toán tài chính</i>, NXB lao động – xã hội.</li> </ol>
31	Thương mại và	1. Nguyễn Xuân Thiên (2015), <i>Giáo trình thương mại</i>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
	tài nguyên môi trường	<p><i>quốc tế</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội</p> <p>2. Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế quốc tế</i>, NXB Đại học KTQD</p> <p>3. GS. TS. Phạm Ngọc Linh, TS. Nguyễn Thị Kim Dung (2013), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.</p>
32	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	<p>1. PGS.TS. Từ Quang Phương (2014), <i>Giáo trình Quản lý dự án đầu tư</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân</p> <p>2. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), <i>Lập dự án đầu tư</i>, NXB Thống kê</p> <p>3. Từ Quang Phương, PGS.TS. Phạm Văn Hùng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p>
33	Hạch toán quản lý môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, NXB Thống kê</p> <p>2. Mai Văn Tiến (2016), <i>Kiểm soát và đánh giá chất lượng môi trường</i>, <i>Giáo trình</i>, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>3. Phạm Đức Hiếu (2012), <i>Giáo trình kế toán môi trường trong doanh nghiệp</i>, NXB Giáo dục.</p>
34	Lượng giá kinh tế TN và MT	<p>1. Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh (2013), <i>Lượng giá tài nguyên và môi trường: từ lý thuyết đến ứng dụng tại Việt Nam</i>, NXB Giao thông vận tải</p> <p>2. Nguyễn Thế Chinh (2013), <i>Lượng giá thiệt hại kinh tế do ô nhiễm, suy thoái môi trường</i>, NXB Chính trị Quốc gia.</p> <p>3. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), <i>Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi</i></p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<i>trường</i> , Nhà xuất bản tài chính
35	Kinh tế môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê.</p> <p>2. Hoàng Xuân Cơ (2005), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất bản Giáo dục.</p> <p>3. Nguyễn Mậu Dũng (2009), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, NXB Thống kê.</p>
36	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	<p>1. Brian Tracy (2018), <i>Nghệ thuật quản lý thời gian</i>, NXB Lao động</p> <p>2. Shibamoto Hidenori (2018), <i>Kỹ năng tư duy logic</i>, NXB lao động.</p> <p>3. Jonh Adair (2018), <i>Ra quyết định và giải quyết vấn đề</i>, NXB Hồng Đức</p>
37	Kinh tế tài nguyên biển	<p>1. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), <i>Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường</i>, Nhà xuất bản tài chính</p> <p>2. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính</p> <p>3. Lê Đức Tố, Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh (2005), <i>Quản lý biển</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>
38	Đề án môn học - Kinh tế tài nguyên và môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2013), <i>Kinh tế và quản lý môi trường</i>, NXB Thống kê.</p> <p>2. Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh (2013), <i>Lượng giá tài nguyên và môi trường từ lý thuyết đến ứng dụng tại Việt Nam</i>, NXB Giao thông vận tải.</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		3. Nguyễn Văn Song (2012), <i>Phương pháp kinh tế nghiên cứu tài nguyên môi trường</i> , NXB Đại học Nông nghiệp
39	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên	<p>1. Huỳnh Quang Tín (2011), <i>Giáo trình Quản lý tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở phát triển cộng đồng</i>, NXB Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.</p> <p>2. Nguyễn Thanh Sơn (2005), <i>Đánh giá tài nguyên nước Việt Nam</i>, NXB Giáo dục</p> <p>3. Trần Đức Viên, Nguyễn Vinh Quang, Mai Văn Thành (2005), <i>Phân cấp trong quản lý tài nguyên rừng và sinh kế người dân</i>, NXB Nông nghiệp</p>
40	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	<p>1. Bộ môn Dự báo, Khoa kế hoạch và phát triển, (2014), <i>Dự báo phát triển kinh tế xã hội</i>, Trường đại học Kinh tế Quốc Dân , NXB Thống kê.</p> <p>2. Nguyễn Quang Đông (2012), <i>Giáo trình Kinh tế lượng</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p> <p>3. Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Khánh Duy (2009), <i>Dự báo và phân tích dữ liệu trong Kinh tế và Tài chính</i>, NXB Thống kê</p>
41	Du lịch sinh thái	<p>1. Lê Huy Bá (2006), <i>Du lịch sinh thái</i>, ,NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>2. Bùi Thị Hải Yến (2011), <i>Tài nguyên du lịch</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p> <p>3. Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiệu (2001), <i>Du lịch bền vững</i>, NXB ĐHQGHN</p>
42	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	1. Mai Văn Tiến (2016), <i>Kiểm soát và đánh giá chất lượng môi trường</i> , Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.



STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p>2. Trần Ngọc Chân (2000), <i>Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, Tập 1,2,3</i>. Nhà xuất bản KHKT Hà Nội.</p> <p>3. J. R. Mudakavi (2010), <i>Principles and Practices of Air Pollution Control and Analysis.</i>, India</p>
43	Thống kê tài nguyên và môi trường	<p>1. Phạm Ngọc Kiểm (2010), <i>GT Thống kê doanh nghiệp</i> NXB Lao động Xã hội</p> <p>2. Nguyễn Kim Thúy, (2009), <i>Nguyên lý thống kê: Lý thuyết thống kê, ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất - Dịch vụ</i>. Thống Kê;</p>
44	Đánh giá tác động môi trường	<p>1. Hoàng Ngọc Khắc, Nguyễn Khắc Thành, Vũ Văn Doanh (2014), <i>Giáo trình Đánh giá tác động môi trường</i>, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>2. Trần Văn Ý (2006), <i>Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển</i>, NXB Thống kê</p> <p>3. Phạm Ngọc Hồ &amp; Hoàng Xuân Cơ (2006), <i>Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển</i>, NXB ĐHQG HN.</p>
45	Kiểm toán môi trường	<p>1. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Kiểm toán môi trường</i>, NXB Lao động và xã hội.</p> <p>2. Quý Lâm, Kim Phương (2014), <i>Hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn về môi trường</i>, NXB Lao động xã hội.</p> <p>3. Lê Văn Khoa (2010), <i>Giáo trình Con người và môi trường</i>, NXB giáo dục Việt nam.</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
46	Quản lý kinh tế môi trường	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Văn Song (2012), <i>Phương pháp tế nghiên cứu tài nguyên môi trường kinh</i>, NXB Đại học Nông nghiệp</li> <li>2. Nguyễn Thế Chinh (2009), <i>GT Kinh tế và quản lý quốc dân</i>, NXB Thống kê</li> <li>3. Phan Huy Đường, Phan Anh, (2017), <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB Đại học Đại học quốc gia Hà Nội</li> </ol>
47	Quản lý kinh tế tài nguyên	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Thế Chinh (2009), <i>Giáo trình kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính</li> <li>2. Nguyễn Văn Song (2005), <i>Giáo trình tài nguyên nước</i>, NXB ĐHQG HN</li> <li>3. Phan Huy Đường, Phan Anh, (2017), <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB Đại học Đại học quốc gia Hà Nội</li> </ol>
48	Kinh tế tài nguyên du lịch	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2009), <i>Giáo trình Kinh tế du lịch</i>, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.</li> <li>2. Bùi Thị Hải Yến, Phạm Hồng Long (2011), <i>Tài nguyên du lịch</i>, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.</li> </ol>
49	Kinh tế tài nguyên đất	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</li> <li>2. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đất</i>, NXB Lao động.</li> <li>3. Quentin Grafton, Wiktor Adamowicz, Diane Dupont, Hary Nelson, Robert J.Hill, and Steven Renzetti (2004), <i>The Economics of the Environment and Natural</i></li> </ol>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<i>Resources</i> , Blackwell Publisher.
50	Kinh tế tài nguyên nước	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Bá Uân, Ngô Thị Thanh Vân (2006), <i>Giáo trình Kinh tế thủy lợi</i>, NXB Xây dựng.</li> <li>2. Nguyễn Thanh Sơn (2005), <i>Đánh giá tài nguyên nước Việt Nam</i>, NXB Giáo dục.</li> <li>3. Trần Võ Hùng Sơn (2003), <i>Nhập môn phân tích lợi ích – chi phí</i>, NXB Quốc gia TP.HCM</li> </ol>
51	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</li> <li>2. Bùi Đức Hùng, Phạm Hoàng Lương, Nguyễn Việt Dũng, Bùi Thanh Hùng, (2018), <i>Quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả</i>, NXB Bách khoa Hà Nội</li> </ol>
52	Kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</li> <li>2. Quentin Grafton, Wiktor Adamowicz, Diane Dupont, Hary Nelson, Robert J.Hill, and Steven Renzetti (2004), <i>The Economics of the Environment and Natural Resources</i>, Blackwell Publisher.</li> </ol>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
53	Kinh tế tài nguyên sinh vật biển	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền (2017), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên và Môi trường</i>, NXB Tài chính.</li> <li>2. Vũ Trung Tạng (2004), <i>Sinh học và sinh thái học biển</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</li> <li>3. Lê Đức Tố, Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục (2005), <i>Quản lý biển</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội</li> </ol>
54	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản biển	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</li> <li>2. Bùi Đức Hùng, Phạm Hoàng Lương, Nguyễn Việt Dũng, Bùi Thanh Hùng, (2018), <i>Quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả</i>, NXB Bách khoa Hà Nội</li> <li>3. Quentin Grafton, Wiktor Adamowicz, Diane Dupont, Hary Nelson, Robert J.Hill, and Steven Renzetti (2004), <i>The Economics of the Environment and Natural Resources</i>, Blackwell Publisher.</li> </ol>
55	Kinh tế tài nguyên du lịch biển	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</li> <li>2. Bùi Thị Hải Yến (2011), <i>Tài nguyên du lịch</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</li> <li>3. Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiều(2001), <i>Du lịch bền vững</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội</li> </ol>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
56	Quản lý tổng hợp vùng ven biển	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Thế Chinh (2009), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê.</li> <li>2. GS. TS. Nguyễn Hoàng Toàn, PGS, TS. Mai Văn Bưu, (2008), <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</li> <li>3. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</li> </ol>
57	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, (2009), NXB Tài chính.</li> <li>2. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đất</i>, NXB Lao Động.</li> <li>3. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường</i>, NXB Thống kê.</li> </ol>
58	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê.</li> <li>2. Hoàng Xuân Cơ (2005), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất bản Giáo dục.</li> <li>3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất bản Tài chính.</li> </ol>
59	Phân tích tổng hợp quản lý tài nguyên biển	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền (2017), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên và môi trường</i>, NXB Tài chính.</li> <li>2. Nguyễn Kỳ Phùng (2016), <i>Quản lý tài nguyên và môi trường biển</i>, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.</li> <li>3. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, (2009), NXB Tài chính.</li> </ol>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
60	Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên biển	<p>1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền (2017), Giáo trình Kinh tế tài nguyên và môi trường, NXB Tài chính.</p> <p>2. Nguyễn Văn Song (2009), Giáo trình Kinh tế tài nguyên, (2009), NXB Tài chính.</p> <p>3. Vũ Trung Tạng (2004), Sinh học và sinh thái học biển, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>

#### 4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
1	Hà Thị Thanh Thủy	TS	Kinh tế học	Khoa KTTN&MT
2	Bùi Thị Thùy	ThS	Máy tính (Khoa học máy tính)	Khoa CNTT
3	Đàm Thanh Tuấn	ThS	Toán học	Khoa KHĐC
4	Đỗ Minh Anh	ThS	Triết học	Khoa LLCT
5	Hoàng Thị Ngọc Minh	ThS	Hồ Chí Minh học	Khoa LLCT
6	Lê Đắc Trường	ThS	Khoa học môi trường	Khoa MT
7	Đào Thị Thương	ThS	Thương mại	Khoa KTTN&MT
8	Phạm Thị Hồng Quế	ThS	Ngôn ngữ Anh	BMNN
9	Mai Thị Hiền	ThS	Lý luận và PP giảng dạy tiếng anh	BMNN
10	Phạm Thị Thương Huyền	ThS	Kỹ thuật trắc địa	Khoa TĐBĐ
11	Trần Lệ Thu	ThS	Luật	Khoa LLCT

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Học hàm, học vị</b>	<b>Chuyên ngành</b>	<b>Đơn vị công tác</b>
12	Nguyễn Thị Trang	ThS	Toán học	Khoa KHĐC
13	Nguyễn Thị Diệu Linh	ThS	Kế toán	Khoa KTTN&MT
14	Đỗ Diệu Linh	ThS	Kinh tế	Khoa KTTN&MT
15	Đỗ Thị Ngọc Thúy	ThS	Kinh tế và Quản lý môi trường	Khoa KTTN&MT
16	Đỗ Thị Phương	ThS	Quản trị kinh doanh	Khoa KTTN&MT
17	Đặng Thị Hiền	ThS	Quản lý kinh tế	Khoa KTTN&MT
18	Nguyễn Thị Hiền	ThS	Quản lý kinh tế	Khoa KTTN&MT
19	Bùi Phương Nhung	ThS	Kế toán	Khoa KTTN&MT
20	Lê Thị Bích Lan	ThS	Kinh tế	Khoa KTTN&MT

#### **4.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập, tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định. Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ). Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

- Lưu ý khi sắp xếp lịch học thực hành, thực tập giữa các học phần trong cùng một học kỳ phải so le nhau, tránh chồng chéo./.

---

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**TS. Vũ Danh Tuyên**

**TS. Nguyễn Hoàn**